

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2024
“V/v tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXX-DS ngày 08 ngày 7 tháng 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

Trụ sở chính: Số D đường T, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số I đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, nhưng ông C có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 18/7/2024)

Bị đơn: Ông Diệp Quốc N, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại bản tự khai người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh C đều trình bày:

Ngày 01/12/2021 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (Viết tắt là: Công ty) cùng với ông Diệp Quốc N có ký Hợp đồng lao động số 037/2021/HĐLD-KM vị trí công việc của ông N là trình duyệt viên, đi kèm theo là Hợp đồng trách nhiệm số 047/2021/HĐTN-KM. Công việc của ông N là tìm kiếm và làm việc trực tiếp với khách hàng; theo dõi, bảo đảm hàng hóa giao đến khách hàng; nhận tiền bán hàng và chịu trách nhiệm nộp về Công ty nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Trong quá trình làm việc, do tác trách và bán hàng sai quy định dẫn đến thiệt hại cho Công ty T bằng tiền là 58.919.998 đồng.

Ngày 15/02/2023, Công ty đã làm việc trực tiếp với ông N và đi đến thống nhất là chậm nhất ngày 15/8/2023, ông N phải bồi thường cho Công ty số tiền 23.910.518 đồng. Tuy nhiên, ông N đã né tránh không bồi thường số tiền này cho Công ty theo đúng thỏa thuận mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Tại buổi hòa giải nguyên đơn trình bày, theo nội dung đơn khởi kiện trước đây, nguyên đơn yêu cầu tiền vốn là 23.910.518 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/8/2023 đến ngày nộp đơn là ngày 07/3/2024 số tiền lãi tổng cộng là 1.328.362 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 25.238.880 đồng và ngày 20/3/2024 bị đơn Nhuận có chuyển trả Công ty số tiền là 1.329.000 đồng, phía Công ty đồng ý trừ số tiền này vào khoản tiền lãi và hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 23.909.880 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Diệp Quốc N bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền là 23.909.880 đồng và không yêu cầu ông N phải tiếp tục chịu tiền lãi cho đến ngày xét xử xong vụ án.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 27 tháng 6 năm 2024, cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông Diệp Quốc N đều trình bày:

Bị đơn bắt đầu làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ vào tháng 11/2021 trong quá trình làm việc tại Công ty có xảy ra một số sai sót và ngày 15/02/2023 giữa ông và Công ty có cùng ngồi lại và lập Biên bản thỏa thuận, tại biên bản này ông đồng ý trả cho Công ty số tiền là 23.910.518 đồng và ông có cam kết đến ngày 15/8/2023 sẽ trả số tiền này. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn không có tiền để trả cho Công ty vì vậy mãi đến ngày 20/3/2024 có chuyển trả cho Công ty được số tiền 1.329.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền này và hiện tại Công ty yêu cầu ông trả số tiền tổng cộng là 23.909.880 đồng ông đồng ý. Nhưng nay do điều kiện kinh tế khó khăn ông xin được trả chậm số tiền 23.909.880 đồng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đều đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ là ông Nguyễn Minh C vắng mặt nhưng ông C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn Diệp Quốc N là đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ về việc yêu cầu bị đơn là ông N phải tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền bồi thường thiệt hại còn nợ lại là 23.909.880 đồng. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng tại phiên tòa bị đơn đều thừa nhận hiện tại còn nợ tiền bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 23.909.880 đồng và xin được trả chậm số tiền này mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả chậm số tiền nêu trên. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ khởi kiện yêu cầu ông Diệp Quốc N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn và ông N có địa chỉ cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ là ông Nguyễn Minh C vắng mặt, nhưng ông C có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

* Về nội dung vụ án:

[3] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ yêu cầu bị đơn Diệp Quốc N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Công ty số

tiền là 23.909.880 đồng và không yêu cầu ông N phải tiếp tục chịu tiền lãi cho đến ngày xét xử xong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn N thừa nhận trong quá trình làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có làm thiệt hại cho nguyên đơn số tiền là 58.919.988 đồng, tại Biên bản thỏa thuận ngày 15/02/2023 bị đơn đồng ý đến ngày 15/8/2023 sẽ trả số tiền bồi thường là 23.910.518 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bị đơn mới bồi thường được 1.329.000 đồng và hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả số tiền bồi thường còn lại là 23.909.880 đồng, bị đơn đồng ý bồi thường số tiền này. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bị đơn N còn phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn số tiền 23.909.880 đồng là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Ngày 01/12/2021 nguyên đơn có ký Hợp đồng lao động số 037/2021/HĐLĐ-KM với bị đơn Nhuận và vị trí công việc của bị đơn là trình dượt viên, đi kèm theo là Hợp đồng trách nhiệm số 047/2021/HĐTN-KM. Công việc của bị đơn N là tìm kiếm và làm việc trực tiếp với khách hàng; theo dõi, bảo đảm hàng hóa giao đến khách hàng; nhận tiền bán hàng và chịu trách nhiệm nộp về Công ty nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Trong quá trình làm việc, do bán hàng sai quy định dẫn đến thiệt hại cho Công ty T bằng tiền là 58.919.998 đồng. Ngày 15/02/2023 Công ty và ông N thỏa thuận, thống nhất ngày 15/8/2023 bị đơn phải bồi thường cho Công ty số tiền 23.910.518 đồng, tuy nhiên đến ngày 20/3/2024 bị đơn mới trả được số tiền 1.329.000 đồng. Tại phiên hòa giải nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 23.909.880 đồng. Do bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán, các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn cam kết trả tiền theo thỏa thuận là ngày 15/8/2023, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn N phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã gây thiệt hại cho nguyên đơn còn lại là 23.909.880 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[5] Tại phiên tòa bị đơn Nhuận xin được trả chậm số tiền 23.909.880 đồng cho nguyên đơn mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên hòa giải nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn trả chậm mỗi tháng là 2.000.000 đồng và tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt. Vì vậy, yêu cầu này là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn N phải chịu 1.195.494 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, điểm c Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ

1.1. Buộc bị đơn là ông Diệp Quốc N trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền bồi thường còn lại là 23.909.880 đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông N phải chịu là 1.195.494 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 598.000 đồng theo biên lai số 0000863 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho nguyên đơn và bị đơn.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ